

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục giằng co tại vùng giá cao trong ngày hôm nay và kết phiên tăng gần 4 điểm. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 6/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Bảo hiểm dẫn đầu đà tăng, ngoài ra ngành Ngân hàng cũng có phiên giao dịch tích cực. Các ngành khác không có diễn biến đáng kể. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng hơn 1 nghìn tỷ trên sàn HSX. Nhịp hồi phục của VN-Index đã chững lại trong hai, ba phiên trở lại đây; tâm lý thị trường đang e dè tại những ngưỡng kháng cự cũ.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2503.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 07/02/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+3.72** điểm, đóng cửa tại **1275.2** điểm. HNX-Index **+0.36** điểm, đóng cửa tại **229.49** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **CTG (+1.72)**, **BID (+1.17)**, **TCB (+0.95)**, **MBB (+0.22)**, **ACB (+0.21)**.
- Kéo chỉ số giảm: **HPG (-0.23)**, **BCM (-0.20)**, **VPB (-0.19)**, **GAS (-0.17)**, **FPT (-0.14)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **12,512** tỷ đồng, tăng **5.02%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 14,656 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 10.23 điểm. Thị trường có **237** mã tăng, 71 mã tham chiếu, **212** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1047.13** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MSN (-894.43 tỷ)**, **MWG (-95.96 tỷ)**, **VCB (-88.56 tỷ)**, **DGC (-40.84 tỷ)**, **STB (-36.51 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **100.39** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50 (Cập nhật đến ngày 06/02)

- BSC30 **+0.06%**. Các mã diễn biến tích cực: **TCB (+2.02%)**, **PNJ (+1.43%)**, **DGW (+1.30%)**.
- BSC50 **-0.18%**. Các mã diễn biến tích cực: **VND (+3.61%)**, **DRC (+3.21%)**, **CTD (+2.50%)**.

Hiệu suất các chỉ số (Cập nhật đến ngày 06/02)

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.06%	-0.18%	0.15%	0.39%
1 tuần	3.00%	1.39%	2.34%	3.08%
1 tháng	2.29%	2.98%	3.33%	4.35%
3 tháng	2.38%	-3.31%	0.93%	5.25%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,275.20	229.49	97.24
% 1D	0.29%	0.16%	0.52%
GTGD (tỷ VND)	12,512	844	813
%1D	5.02%	15.41%	-2.29%
GDNN (tỷ VND)	-1047.13	100.39	16.16

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
OCB	136.48	MSN	-894.43
CTG	100.53	MWG	-95.96
TCH	56.77	VCB	-88.56
FPT	54.22	DGC	-40.84
VIC	20.97	STB	-36.51

Thị trường thế giới

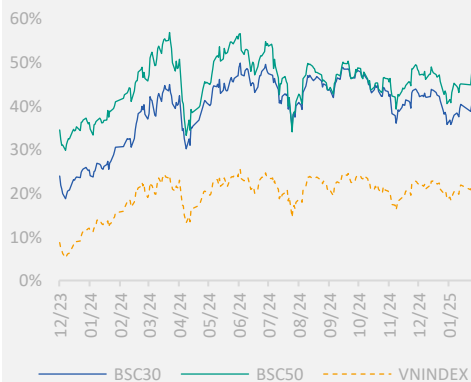
		%D	%W
SPX	6,084	0.36%	0.20%
FTSE100	8,719	-0.09%	0.52%
Eurostoxx	5,358	0.40%	1.36%
Shanghai	3,304	1.02%	2.29%
Nikkei	38,819	-0.60%	-1.99%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	74.93	0.89%
Giá vàng	2,866	-0.54%
Tỷ giá		
USD/VND	25,510	0.24%
EUR/VND	27,026	0.16%
JPY/VND	171	0.59%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.1%	-0.01%
LS LNH 1M	4.8%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



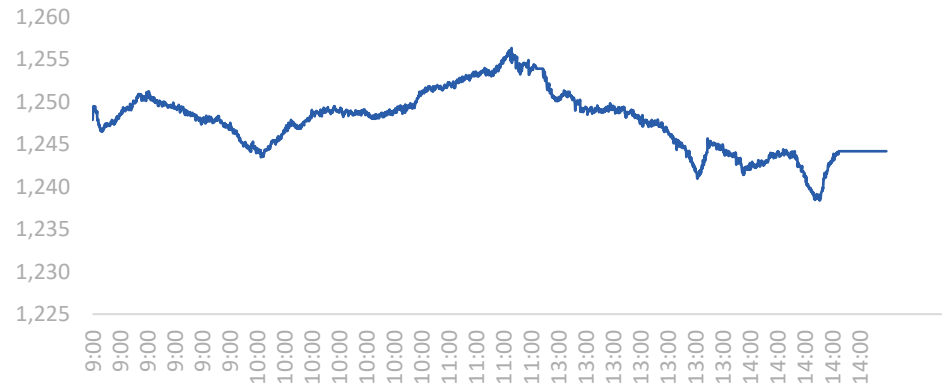
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1354.40	0.13%	98	51%	9/18/2025	223
VN30F2502	1343.30	0.25%	170,155	7%	2/20/2025	13
VN30F2503	1345.00	-0.07%	508	5%	3/20/2025	41
VN30F2506	1351.90	0.30%	131	27%	6/19/2025	132

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +4.21 điểm, đóng cửa tại 1340.8 điểm. Biên độ dao động 12.58 điểm. Các cổ phiếu như TCB, CTG, ACB, MBB, MSN tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 bật tăng từ phiên chiều và giữ được sắc xanh cuối phiên. Thanh khoản thị trường tiếp tục nằm trên đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2503. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng. Xét về vị thế mở, tất cả các HĐTL đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CTCB2403	11/4/2025	270	1,024,200	-72.23%	2.60	910	5.8%	4.65	7.15	25.75	25.75
CTCB2404	8/14/2025	188	2,700	-68.35%	2.50	1,130	5.6%	4.66	8.15	25.75	25.75
CMBB2402	5/21/2025	103	458,100	-73.42%	2.35	1,890	5.0%	10.44	6.05	22.75	22.75
CMBB2402	5/21/2025	103	458,100	-73.42%	2.35	1,890	5.0%	10.44	6.05	22.75	22.75
CACB2502	3/26/2026	412	13,700	-73.00%	2.80	2,070	3.0%	11.52	6.94	25.70	25.70
CVRE2407	11/4/2025	270	745,900	-73.06%	1.60	1,470	2.8%	7.65	4.54	16.85	16.85
CSTB2402	5/21/2025	103	293,900	-69.24%	3.00	2,840	2.5%	11.50	11.52	37.45	37.45
CVIB2407	11/4/2025	270	304,800	-69.85%	1.80	2,190	2.3%	9.38	6.18	20.50	20.50
CSTB2501	6/26/2025	139	200	-72.39%	3.35	2,330	0.9%	11.39	10.34	37.45	37.45
CSTB2404	3/6/2025	27	758,500	-73.78%	3.10	1,680	0.0%	8.59	9.82	37.45	37.45
CVPB2502	3/26/2026	412	14,200	-71.72%	2.10	1,630	0.0%	8.48	5.36	18.95	18.95
CVPB2502	3/26/2026	412	14,200	-71.72%	2.10	1,630	0.0%	8.48	5.36	18.95	18.95
CVHM2408	11/4/2025	270	67,300	-72.85%	3.80	1,680	0.0%	8.77	10.52	38.75	38.75
CFPT2404	11/4/2025	270	47,400	-57.72%	12.02	3,340	0.0%	9.03	61.77	146.10	146.10
CFPT2402	7/28/2025	171	20,300	-69.45%	13.41	7,860	-0.6%	33.48	44.63	146.10	146.10
CFPT2402	7/28/2025	171	20,300	-69.45%	13.41	7,860	-0.6%	33.48	44.63	146.10	146.10
CMBB2501	7/28/2025	171	84,900	-74.11%	2.09	1,460	-0.7%	7.95	5.89	22.75	22.75
CHPG2505	3/26/2026	412	120,000	-71.03%	3.00	2,360	-0.8%	11.90	7.72	26.65	26.65
CFPT2405	8/14/2025	188	3,700	-69.14%	13.41	3,190	-1.8%	13.39	45.09	146.10	146.10
CMWG2504	3/26/2026	412	591,000	-71.48%	6.60	2,040	-1.9%	10.53	16.80	58.90	58.90

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 07/02/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
 - CTCB2405 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 51.72%. CSTB2410 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.40%.
 - CFPT2404, CTCB2404, CFPT2405, CSTB2402, CFPT2402 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2402, CFPT2403, CSTB2503, CSTB2504, CMSN2404 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CTG	40.80	3.29%	1.72	5.37
BID	40.50	1.76%	1.17	6.90
TCB	25.75	2.18%	0.95	7.06
MBB	22.75	0.66%	0.22	6.10
ACB	25.70	0.78%	0.21	4.47

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	222.00	2.30%	0.63	0.20
HGM	292.10	9.98%	0.23	0.01
HUT	16.10	1.26%	0.11	0.89
DTK	13.20	1.54%	0.09	0.68
TFC	79.50	9.96%	0.08	0.02

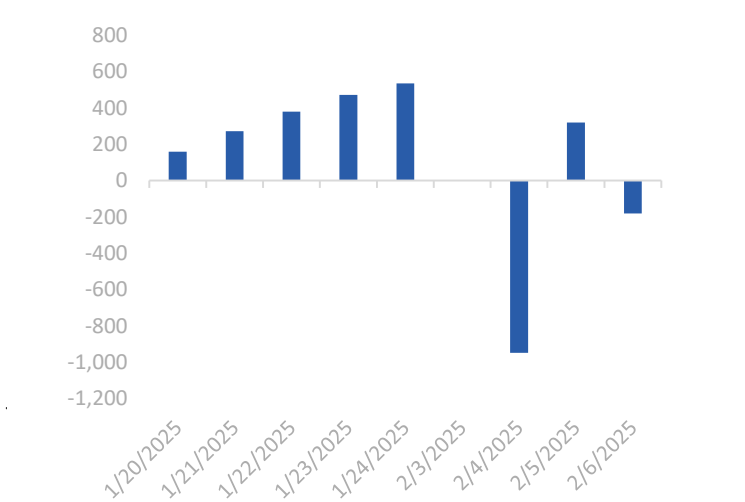
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MSH	47.50	6.98%	0.06	0.50
HHV	10.75	6.97%	0.08	9.46
BMC	21.60	6.93%	0.00	0.44
VRC	8.81	6.92%	0.01	0.15
STG	43.95	6.80%	0.07	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BPC	14.40	9.92%	0.01	0.03
DTC	8.90	9.88%	0.01	0.00
HTC	5.60	9.80%	0.02	0.06
PIA	23.90	9.63%	0.14	0.00
PCT	34.00	8.97%	0.05	0.00

Hình 1
Giao dịch tự doanh



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HPG	26.65	-0.56%	-0.23	6.40
BCM	70.00	-1.13%	-0.20	1.04
VPB	18.95	-0.52%	-0.19	7.93
GAS	67.30	-0.44%	-0.17	2.34
FPT	146.10	-0.27%	-0.14	1.47

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVI	66.80	-3.19%	-0.31	0.23
CDN	39.00	-5.34%	-0.13	0.10
MBS	27.60	-0.72%	-0.07	0.57
NTP	61.00	-1.29%	-0.07	0.14
IDC	54.80	-0.54%	-0.06	0.33

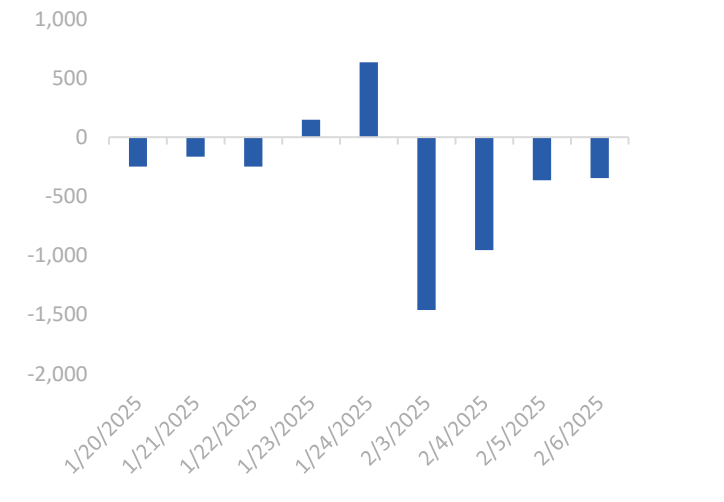
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVN	10.00	-6.98%	-0.01	1.92
HAG	10.75	-6.93%	-0.19	35.41
HHS	8.61	-6.92%	-0.05	3.41
NHA	23.55	-6.92%	-0.02	1.42
DXV	4.59	-6.90%	0.00	0.01

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DAE	12.80	-9.86%	-0.01	0.00
HMR	21.10	-9.83%	-0.04	0.20
CMS	18.40	-9.80%	-0.17	0.61
TXM	6.50	-9.72%	-0.02	0.04
MCO	12.20	-9.63%	-0.02	0.05

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã CK	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
VCB	Ngân hàng	93.0	0.10%	0.6	20,672	8.4	6,053	15.4	-	22.9%	Link
BID	Ngân hàng	40.5	1.80%	1.3	11,110	13.0	3,575	11.3	-	16.8%	Link
VPB	Ngân hàng	19.0	-0.50%	1.0	5,979	6.7	1,989	9.5	-	25.0%	Link
TCB	Ngân hàng	25.8	2.20%	1.4	7,235	27.2	3,046	8.5	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	22.8	0.70%	1.1	5,521	12.8	4,265	5.3	26,600	20.2%	Link
STB	Ngân hàng	37.4	0.30%	1.5	2,808	17.8	5,351	7.0	-	23.0%	Link
CTG	Ngân hàng	40.8	3.30%	1.6	8,713	24.3	4,719	8.6	-	296.9%	Link
ACB	Ngân hàng	25.7	0.80%	0.9	4,565	10.1	3,759	6.8	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	25.0	-0.20%	1.6	1,951	7.8	1,445	17.3		39.6%	Link
IDC	Xây dựng	54.8	-0.50%	1.1	719	0.6	6,050	9.1	65,700	22.6%	Link
HPG	Xây dựng	26.6	-0.60%	1.1	6,779	13.3	1,879	14.2	41,500	21.5%	Link
HSG	VLXD	17.7	-0.30%	1.6	437	2.0	836	21.2	25,300	9.3%	Link
VHM	BĐS	38.8	-0.10%	0.6	6,330	4.6	7,591	5.1	108,300	11.5%	Link
KDH	BĐS	34.6	-0.10%	1.1	1,389	2.3	522	66.2	44,500	37.3%	Link
NLG	BĐS	34.6	0.60%	1.4	531	2.1	1,330	26.0	-	43.5%	Link
DGC	Hóa chất	111.1	-0.30%	1.4	1,678	5.5	7,870	14.1	115,000	17.7%	Link
DCM	Phân bón	34.6	-0.40%	1.0	730	1.2	2,518	13.8	38,700	5.8%	Link
GAS	Dầu khí	67.3	-0.40%	0.4	6,270	2.2	4,439	15.2	-	1.7%	Link
PVS	Dầu khí	33.7	0.00%	1.2	641	3.3	2,473	13.6	57,000	19.0%	Link
PVD	Dầu khí	23.6	-0.40%	1.5	523	1.9	1,249	18.9	38,400	9.7%	Link
POW	Dầu khí	12.0	1.30%	0.7	1,113	4.6	535	22.4	17,100	3.6%	Link
VHC	Thủy sản	70.0	-0.70%	1.3	625	2.6	5,496	12.7	108,500	27.0%	Link
GMD	Logistics	62.6	-0.60%	0.8	1,031	2.4	3,525	17.8	90,400	45.6%	Link
VNM	Bán lẻ	60.8	0.20%	0.4	5,054	6.2	4,494	13.5	93,100	51.2%	Link
MSN	Bán lẻ	67.7	0.40%	0.9	4,073	6.1	1,321	51.2	110,000	24.1%	Link
MWG	Bán lẻ	58.9	-0.30%	1.1	3,423	16.3	2,547	23.1	-	45.8%	Link
PNJ	Bán lẻ	98.3	-1.30%	1.2	1,321	2.2	6,258	15.7	118,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	38.8	-0.60%	1.8	338	1.1	1,809	21.4	66,600	19.6%	Link
FPT	Bán lẻ	146.1	-0.30%	1.2	8,547	22.5	5,336	27.4	107,900	44.9%	Link
CTR	Hạ tầng	126.0	-1.60%	1.5	573	3.8	4,749	26.5	-	9.2%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Mã CK	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	22.9	-0.20%	1.2	3,183	8.1	3,652	6.3	1.5	17.5%	29.1%
VIB	Ngân hàng	20.5	0.20%	1.1	2,429	5.4	2,418	8.5	1.5	5.0%	18.9%
TPB	Ngân hàng	16.6	0.00%	1.4	1,739	6.6	2,299	7.2	1.2	30.0%	14.2%
MSB	Ngân hàng	11.4	0.00%	1.1	1,174	3.2	2,123	5.3	0.8	27.5%	13.3%
EIB	Ngân hàng	18.6	0.30%	0.8	1,382	2.3	1,786	10.4	1.4	2.3%	11.8%
HCM	Chứng khoán	28.8	0.00%	1.9	825	6.4	1,444	19.9	2.0	44.5%	10.9%
VCI	Chứng khoán	34.4	0.30%	1.7	982	6.4	1,268	27.1	1.9	25.3%	10.2%
VND	Chứng khoán	12.8	-0.80%	1.6	775	3.9	1,129	11.3	1.0	11.1%	13.0%
BSI	Chứng khoán	45.8	-0.50%	2.0	407	0.2	1,852	24.8	2.0	41.1%	8.1%
SHS	Chứng khoán	13.6	-0.70%	1.9	440	7.2	1,244	10.9	1.0	2.9%	9.1%
CTD	Xây dựng	81.9	0.00%	1.4	326	3.5	3,732	21.9	0.9	49.0%	3.9%
HHV	Xây dựng	12.6	-1.20%	1.5	216	6.1	835	15.0	0.6	7.3%	4.5%
LCG	Xây dựng	10.6	0.50%	1.5	82	1.5	684	15.6	0.8	2.5%	6.2%
SZC	BĐS KCN	42.8	-1.60%	1.0	306	2.8	1,678	25.5	2.5	2.4%	12.0%
SIP	BĐS KCN	81.5	-1.60%	1.3	682	1.4	5,635	14.5	4.1	4.6%	29.7%
PHR	BĐS KCN	52.1	-0.80%	0.9	281	0.2	3,464	15.0	1.9	18.0%	10.5%
DIG	BĐS	18.7	-0.50%	1.6	454	5.5	171	109.1	1.5	4.9%	1.0%
CEO	BĐS	13.3	0.00%	2.0	286	3.2	316	42.1	1.2	4.1%	2.1%
KBC	BĐS KCN	29.1	-0.90%	1.3	888	2.7	549	53.0	1.2	19.4%	2.6%
VGC	BĐS KCN	50.0	-2.00%	1.2	892	1.8	2,464	20.3	2.7	5.2%	5.9%
GVR	BĐS KCN	29.4	0.70%	1.7	4,677	2.7	851	34.5	2.3	0.3%	7.3%
NKG	VLXD	14.0	-1.10%	1.6	249	2.2	1,012	13.8	1.1	5.6%	8.1%
BMP	VLXD	123.0	-0.60%	1.1	400	0.7	12,103	10.2	3.7	83.6%	34.4%
IJC	BĐS	14.2	1.40%	1.2	213	2.0	941	15.1	1.0	4.7%	6.3%
DXG	BĐS	15.2	0.30%	1.4	528	4.1	197	77.4	1.0	16.2%	1.7%
VRE	BĐS	16.8	0.90%	1.1	1,523	4.1	1,802	9.3	0.9	18.3%	10.5%
PDR	BĐS	19.4	-1.80%	1.8	675	3.2	599	32.5	1.5	8.4%	8.4%
DIG	BĐS	18.7	-0.50%	1.6	454	5.5	171	109.1	1.5	4.9%	1.0%
HUT	Xây dựng	16.1	1.30%	0.7	572	0.5	152	106.1	1.7	1.3%	1.3%
C4G	Xây dựng	8.4	0.00%	1.0	-	0.4	502	16.7	0.8	0.0%	5.3%
CSV	Hóa chất	43.0	-2.20%	1.6	189	4.0	2,157	20.0	3.2	2.7%	17.4%
DHC	Hóa chất	35.0	0.90%	1.1	112	0.3	3,007	11.6	1.4	40.3%	14.1%
DRC	Cao su	28.8	-0.70%	0.9	136	0.5	1,950	14.7	1.8	8.9%	14.4%
PC1	Tiện ích	24.0	2.40%	1.2	341	4.3	1,287	18.6	1.6	14.7%	9.7%
HDG	Tiện ích	27.3	-0.40%	1.4	365	1.8	1,714	15.9	1.5	19.8%	12.6%
GEX	Tiện ích	21.5	0.20%	1.5	735	6.8	1,890	11.4	1.3	6.5%	7.1%
QTP	Tiện ích	13.6	0.00%	0.5	-	0.1	1,444	9.4	1.2	0.9%	12.5%
PLX	Dầu khí	39.8	-0.10%	0.7	2,014	1.2	2,274	17.5	1.9	17.4%	11.6%
BSR	Dầu khí	20.4	-0.70%	1.1	2,509	2.0	966	21.1	1.1	0.5%	5.3%
PLC	Dầu khí	25.2	-0.80%	1.3	81	0.4	534	47.2	1.6	0.3%	3.9%
ANV	Thủy sản	17.2	-0.30%	1.2	183	0.9	182	94.9	1.6	1.0%	1.4%
PTB	VLXD	62.1	-2.40%	1.2	165	0.5	4,944	12.6	1.5	23.5%	11.8%
VSC	Logistics	18.0	-0.30%	1.1	206	3.1	1,614	11.2	1.1	2.8%	8.0%
HAH	Logistics	54.0	-0.20%	0.9	261	4.8	5,361	10.1	2.0	13.6%	14.9%
DBC	Bán lẻ	26.2	0.00%	1.6	349	3.5	2,298	11.4	1.3	8.4%	9.6%
FRT	Bán lẻ	188.4	0.20%	0.9	1,021	7.7	2,330	80.8	13.4	35.9%	9.0%
QNS	Bán lẻ	51.3	-0.60%	0.5	-	0.4	6,467	7.9	1.9	11.9%	27.8%
TNG	Dệt may	23.9	-0.40%	1.2	116	0.7	2,574	9.3	1.5	16.4%	16.3%
PVT	Logistics	26.6	-0.40%	1.0	376	2.1	3,130	8.5	1.3	12.5%	15.6%
DPM	Phân bón	34.9	-1.40%	1.1	543	3.3	1,700	20.5	1.2	8.8%	5.9%
REE	Tiện ích	66.8	1.20%	1.0	1,251	2.1	4,232	15.8	1.7	49.0%	10.2%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitc, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
2	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
3	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
9	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
10	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
11	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
12	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
13	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
14	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
15	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
16	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
17	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
19	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
20	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Đỗ Thu Phương
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Định lượng
Phuongdt@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659 ☎

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>